TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-01-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 738/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phước Đ, xã Phước Th, huyện Gò D, tỉnh tây N

-*Bị đơn*: Ông Tạ Minh T, sinh năm 1972

Địa chỉ: 24/10/10 Trần Đ, phường 0, thành phố X, tỉnh Z (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà Nguyễn Thị C và ông Tạ Minh T chung sống với nhau từ năm 1997 tại Gò Dâu , Tây Ninh nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Tạ Thị Thùy L, sinh năm 1998, bà C, ông T không có con nuôi.

Quá trình chung sống từ năm 1997 cuộc sống chung giữa bà C, ông T hạnh phúc, đến năm 2001 phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đến năm 2001 bà C, ông T đã ly thân nhau.

Nay bà C yêu cầu được ly hôn với ông Tạ Minh T đề nghị Tòa án không

công nhận bà C, ông T là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Tạ Thị Thùy L, sinh năm 1998. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2023, bị đơn ông Tạ Minh T trình bày:

Ông Tạ Minh T xác nhận; ông T và bà C là vợ chồng. Vợ chồng quen biết và sống chung với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, đến năm 2008, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn ông T quay về X sinh sống còn bà C sống ở Tây Ninh.

Quá trình chung sống, ông Tâm và bà cẩm có con chung tên là Tạ Thị Thùy L, sinh năm 1998.

Nay bà C yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý, đề nghị Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên là là Tạ Thị Thùy L, sinh năm 1998. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu:

[1]Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa thì thấy bà C và ông T sống chung với nhau từ năm 1998, trong quá trình chung sống ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, nay bà C yêu cầu ly hôn và ông T đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; giữa bà C và ông T sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị C khởi kiện ông Tạ Minh T về việc "ly hôn"; bị đơn ông T có nơi cư trú tại thành phố X nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà C và bị đơn ông T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn không ảnh hưởng

tới phiên xét xử nên căn cứ khoản 01 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và bị đơn ông Tạ Minh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Theo trình bày của bà Cvà ông T thì ông bà sống chung với nhau từ năm 1998, tại ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử nhận định: Nam, nữ sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng; căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống, thời gian đầu bà C, ông Tsống với nhau hạnh phúc, đến năm 2008 thì hai bên sống ly thân,nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Tđồng ý; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống từ năm 1998 đến nay, bà C và ông T có đủ điều kiện kết hôn nhưng lại không đăng ký kết hôn nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc Thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì bà C, ông T không đăng ký kết hôn mà sống chung với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Nay bà Cẩm yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 11, Điều 87 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị C và ông Tạm Minh T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên là Tạ Thị Thùy L, sinh năm 1998. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C, ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đ

(Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền bà C đã tạm ứng theo biên lai thu số 0001469, ngày 25-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tau; bà C đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 01 Điều 227 và Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, Điều 87 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27, Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Cvà ông Tạ Minh T.

[2] Về con chung: Bà C ông T có 01 con chung tên là Tạ Thị Thùy L, sinh năm 1998. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng(Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền bà C đã tạm ứng theo biên lai thu số 0001469, ngày 25-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; bà C đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hồng Phúc